**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ………./QĐ-UBND ngày / /2020*

*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Trang** |
| **A** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH** |
| **I** | **Lĩnh vực Hóa chất** |  |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp |  |
| 2 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp |  |
| 3 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp |  |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp |  |
| 5 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp |  |
| 6 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong công nghiệp |  |
| **II** | **Lĩnh vực An toàn thực phẩm** |  |
| 7 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện |  |
| 8 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện |  |
| **III** | **Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước** |  |
| 9 | Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá |  |
| 10 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá |  |
| 11 | Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá |  |
| 12 | Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |  |
| 13 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |  |
| 14 | Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |  |
| IV | **Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng** |  |
| 15 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) |  |
| **V** | **Lĩnh vực Kinh doanh khí** |  |
| 16 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG |  |
| 17 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG |  |
| 18 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG |  |
| 19 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG |  |
| 20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG |  |
| 21 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG |  |
| **VI** | **Lĩnh vực Điện** |  |
| 22 | Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương |  |
| 23 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương |  |
| 24 | Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương |  |
| 25 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương |  |
| 26 | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương |  |
| 27 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương |  |
| 28 | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương |  |
| 29 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương |  |
| **B** | **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** |  |
| **I** | **Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước** |  |
| 1 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |  |
| 2 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |  |
| 3 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá |  |
| 4 | Cấp giấy phép bán lẻ rượu |  |
| 5 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu |  |
| 6 | Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu |  |
| 7 | Đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| 8 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| 9 | Đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ chỗ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| 10 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| 11 | Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| 12 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố |  |
| **II** | **Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng** |  |
| 13 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |  |
| 14 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh |  |
| **VI** | **Lĩnh vực An toàn thực phẩm** |  |
| 15 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm |  |
| 16 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm |  |

### PHẦN II

**NỘI DUNG CỤ THỂ**

**CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

**I. LĨNH VỰC HÓA CHẤT**

**1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai*.*Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định ([Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)).

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng nhà xưởng, kho chứa, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí nhà xưởng, kho tàng, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào nhà xưởng, khu vực sản xuất và kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa hoặc Hợp đồng thuê nhà xưởng, kho chứa;

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất ([Mẫu 01g, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản sao bằng đại học trở lên chuyên ngành hóa chất của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất của cơ sở sản xuất;

+ Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở sản xuất theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **12 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định: **1.200.000** đồng/GCN

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:[Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Có.

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

***Mẫu 01a***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *……(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương............

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Địa chỉ trụ sở chính: ……………….., Điện thoại: …………………… Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: ……Điện thoại: ………..Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ………. do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện .............(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

**1. Hóa chất sản xuất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 100 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Hóa chất kinh doanh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 500 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

………… (1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ………… (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

………… (1) gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

…………………………………… (8)…………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

***Mẫu 01g***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *………(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,**

**TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA**

**CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn  trong sản xuất, kinh doanh | Thông số kỹ thuật chính | Xuất xứ | Năm sản xuất | Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất | Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

**Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

**2. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm). tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.* Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất.

- Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ([Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất đối với các nội dung điều chỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **12 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định: **600.000 đồng**/GCN

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:[Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc).

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Có.

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

**Mẫu 01c**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *…..…(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ….…(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương …

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Địa chỉ trụ sở chính tại: ……………….., Điện thoại: ……Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:……….., Điện thoại:............. Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ………. do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……..

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số…..…(5) ngày…. tháng….năm……, thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:…………..(6)

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:  (7)

……..…(1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ……..…(1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……..…(1) gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:….……(8)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;

- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;

- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

**3. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai* . Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ([Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)).

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **05 ngày** làm việc.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí thẩm định**: **600.000 đồng**/GCN.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:([Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc))

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong sản xuất theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 1, 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật hoặc cán bộ kỹ thuật phụ trách hoạt động sản xuất hóa chất phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

**Mẫu 01b**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *…..…(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….…(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương …

Tên tổ chức/cá nhân:  (1)

Địa chỉ trụ sở chính:................ Điện thoại: …………………… Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:…………Điện thoại: ………..Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ……….do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……..

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ………….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số …………….(5) ngày…..tháng……năm…., giải trình lý do đề nghị cấp lại:  (6)

………...(1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm ………...(1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

………...(1) gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: (7)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;

- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);

- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

**4. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h****của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.* Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu quy định ([Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

+ Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh;

+ Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;

+ Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất ([Mẫu 01g, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;

+ Bản sao hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;

+ Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **12 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Lưu ý: Trong trường hợp tổ chức/cá nhân kinh doanh có kho chứa hóa chất tại tỉnh khác: Sở Công Thương Đồng Nai sẽ có văn bản lấy ý kiến của Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa.

Thời gian thực hiện thủ tục hành chính không tính thời gian lấy ý kiến của Sở Công Thương tại các tỉnh có đặt kho chứa hóa chất.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất của các tổ chức, cá nhân.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định: **1.200.000 đồng**/GCN

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**: [Mẫu 01a, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Có.

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ.

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

***Mẫu 01a***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *……(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương............

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Địa chỉ trụ sở chính: ……………….., Điện thoại: …………………… Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: ……Điện thoại: ………..Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ………. do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện .............(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

**1. Hóa chất sản xuất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 100 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Hóa chất kinh doanh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 500 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

………… (1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ………… (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

………… (1) gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

…………………………………… (8)…………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

***Mẫu 01g***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *………(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,**

**TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA**

**CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn  trong sản xuất, kinh doanh | Thông số kỹ thuật chính | Xuất xứ | Năm sản xuất | Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất | Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

**Ghi chú:**

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

**5. Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.* Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- Trường hợp có thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất; loại hình, quy mô, chủng loại hóa chất kinh doanh.

- Hồ sơ gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ([Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **12 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

*Trong trường hợp tổ chức/cá nhân kinh doanh có kho chứa tại tỉnh khác: Sở Công Thương Đồng Nai sẽ có văn bản lấy ý kiến của Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất.*

*Thời gian thực hiện thủ tục hành chính không tính thời gian lấy ý kiến của Sở Công Thương tại các tỉnh có đặt kho chứa hóa chất.*

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương tại địa phương có kho chứa hóa chất của các tổ chức, cá nhân.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định: **600.000 đồng**/GCN

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:[Mẫu 01c, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Có.

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ.

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

**Mẫu 01c**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *…..…(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện ….…(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương …

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Địa chỉ trụ sở chính tại: ……………….., Điện thoại: ……Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:……….., Điện thoại:............. Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ………. do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……..

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số…..…(5) ngày…. tháng….năm……, thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:…………..(6)

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:  (7)

……..…(1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm ……..…(1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

……..…(1) gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:….……(8)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;

- (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;

- (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;

- (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

**6. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm) tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.* Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai)* hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/nhsqm> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng (có bản hướng dẫn tại trung tâm hành chính công).

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân.

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận ([Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc));

+ Bản chính Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **05 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PC&CC, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

**e) Đối tượng thực hiện**: Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:**

Phí thẩm định: **600.000 đồng**/GCN.

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai**:[Mẫu 01b, Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương](file:///E:\2015\Thu%20tuc%20mot%20cua%20-%20Iso%20Phong%20Ky%20thuat\TT%20mot%20cua%20_%20PKT\MẪU%20ĐƠN,%20MẪU%20TỜ%20KHAI\Phụ%20Lục%202-TT%2028-2010-BCT.doc)

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP.

- Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

- Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ.

- Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất.

- Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05/12/2016 của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

**Mẫu 01b**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tổ chức, cá nhân (1)  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: ……. (2) | *…..…(3), ngày ….. tháng …. năm ……* |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….…(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương …

Tên tổ chức/cá nhân:  (1)

Địa chỉ trụ sở chính:................ Điện thoại: …………………… Fax:

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:…………Điện thoại: ………..Fax:

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ……….do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……..

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện ………….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số …………….(5) ngày…..tháng……năm…., giải trình lý do đề nghị cấp lại:  (6)

………...(1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm ………...(1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

………...(1) gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm: (7)

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;

- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;

- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);

- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

**II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM**

**7. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa *(gọi là Trung tâm)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- **Thành phần hồ sơ, bao gồm**:

*+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ *Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.*

- **Số lượng hồ sơ**: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Y tế, Sở Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn, Phòng Kinh tế/ Kinh tế-Hạ tầng các huyện.

**e) Đối tượng thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, dầu thực vật, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Công Thương trừ các trường hợp sau:

-Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Các cơ sở sản xuất thực phẩm tại Điều 12 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

- Chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật

**g) Phí, lệ phí**: **1.000.000 đồng/ lần**/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh), **2.500.000 đồng/ lần**/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:**

Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.*

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

**Mẫu số 01a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*Địa danh, ngày….tháng….năm 20….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

**Kính gửi:** *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*……………………

Cơ sở sản xuất, kinh doanh *(tên giao dịch hợp pháp)*:........................................................

Địa điểm tại: .........................................................................................................................

Điện thoại: …………………………………….Fax: ................................................................

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh *(tên sản phẩm)*: .............................................................

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

|  |  |
| --- | --- |
| - Cơ sở sản xuất | □ |
| - Cơ sở kinh doanh | □ |
| - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh | □ |
| - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm | □ |

*(tên cơ sở) ............................................................................................................................*

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hồ sơ gửi kèm gồm:***- - - -* | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

# Mẫu số 02a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

1. **THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: ..........................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ....................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .............................................................................................

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): ................................................................................

* Điện thoại: …………………………Fax ..........................................................

- Mặt hàng sản xuất: ..................................................................................

- Công suất thiết kế: .........................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ....................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .............................................................

* Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....
* Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ....................

1. **THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**
   1. ***Cơ sở vật chất:***

* Diện tích mặt bằng sản xuất ……………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....................................................................

- Kết cấu nhà xưởng: .......................................................................................

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: ...................................................

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: ........................................................................

* 1. ***Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị**  *(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)* | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang thiết bị, dụng cụ hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng |  |  |  |  |  |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 7 | Thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay |  |  |  |  |  |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu |  |  |  |  |  |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật  gây hại |  |  |  |  |  |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

1. **ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng*

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .................................................................................................

- Điện thoại: ………………………………………..Fax ..........................................................

- Loại thực phẩm kinh doanh: ..............................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ...................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ...................................

- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm *(đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm)*: .........

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng kinh doanh …………m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: ....................................................................................

- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....................................................................

- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: ................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị** | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 6 | Trang bị bảo hộ |  |  |  |  |  |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang, thiết bị dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...* **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**8. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa *(gọi là Trung tâm)*: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- **Thành phần hồ sơ, bao gồm**:

*Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

*Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:*

*+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ *Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở*.

*Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

*Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ**: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh**: 03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: **03 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương.

- Cơ quan phối hợp: Sở Y tế, Sở Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn, Phòng Kinh tế/ Kinh tế-Hạ tầng các huyện, thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được Sở Công Thương Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật.

**g) Phí, lệ phí**: **1.000.000** đồng/ lần/cơ sở-đối với cơ sở kinh doanh; **2.500.000 đồng/** lần/ cơ sở đối với cơ sở sản xuất (đối với Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Mẫu số 01b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

*Đồng Nai, ngày….tháng….năm 20….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai

Tên cơ sở ………………………………………đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số………………….ngày cấp .....................

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận *(ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này)*:

..............................................................................................................................

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**---------------**

**BAN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

1. **THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: ..................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ............................................................................................

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: ......................................................................................

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): ........................................................................

- Điện thoại: ……………………………………Fax ..........................................

- Mặt hàng sản xuất: ............................................................................................

- Công suất thiết kế: ............................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ..................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ................

1. **THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ:** 
   1. ***Cơ sở vật chất***

* Diện tích mặt bằng sản xuất ……………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .......................................................................

- Kết cấu nhà xưởng: ...........................................................................................

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: ........................................................

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: ............................................................................

* 1. ***Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị**  *(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)* | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang thiết bị, dụng cụ hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng |  |  |  |  |  |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 7 | Thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay |  |  |  |  |  |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu |  |  |  |  |  |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật  gây hại |  |  |  |  |  |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

1. **ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .................................................................................................

- Điện thoại: ………………………………………..Fax ..........................................................

- Loại thực phẩm kinh doanh: ..............................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ...................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ...................................

- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm *(đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm)*: .........

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng kinh doanh …………m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: ....................................................................................

- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....................................................................

- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: ................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị** | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 6 | Trang bị bảo hộ |  |  |  |  |  |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang, thiết bị dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...* **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**III. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC**

**9. Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Bản sao Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

+ Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: **10 ngày** làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, và thành phố.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức

g) Phí, lệ phí

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 21, Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 70 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấp phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên);

- Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh;

- Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực).

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 21**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương ......................(1)

1. Tên thương nhân:......................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: .................................................................................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số................ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày .......... tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

Đề nghị Sở Công Thương ......................(1) xem xét cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:

6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(2)……….

- Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố..........(1)….

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:………..

......................................................................................................(3)…….

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

*Chú thích:*

(1): Ghi rõ tên tỉnh, thành phố nơi thương nhân dự định xin phép để kinh doanh.

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá; các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá khác (nếu có).

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**PHỤ LỤC 70**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../201…/BC-… | *............., ngày...... tháng....... năm 20........* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH**

**CỦA THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(6 tháng đầu năm ……... (hoặc 6 tháng cuối năm…..) ; cả năm ……..)*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Sở Công Thương.......(nơi thương nhân đạt trụ sở)

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại......Fax...

Số Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….

Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….(nếu có)

**I. Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**II. Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**III. Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**IV. Kiến nghị, đề xuất...**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập báo cáo** (ký, ghi rõ họ tên) | **Giám đốc** (ký tên, đóng dấu) |

**10. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

+ Bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung;

+ Báo cáo kết quả tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày** làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, và thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: (nếu có thẩm định)

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 44 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Báo cáo kết quả tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 70 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;

- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì: địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Trường hợp thay đổi, bổ sung nhà cung cấp, thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá thì phải có bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 44**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:       /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Sở Công Thương

1. Tên thương nhân : .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày .......... tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có) .......(1)....

...(*ghi rõ tên thương nhân*)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:................... Thông tin mới:.............

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(2)

Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh, thành phố .....

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:...................

Thông tin mới:...................(3)

b) Đề nghị bổ sung:

..............................................................(4)

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

*Chú thích*:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

**PHỤ LỤC 70**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../201…/BC-… | *............., ngày...... tháng....... năm 20........* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH**

**CỦA THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(6 tháng đầu năm ……... (hoặc 6 tháng cuối năm…..) ; cả năm ……..)*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Sở Công Thương.......(nơi thương nhân đạt trụ sở)

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại......Fax...

Số Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….

Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….(nếu có)

**I. Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**II. Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**III. Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**IV. Kiến nghị, đề xuất...**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập báo cáo** (ký, ghi rõ họ tên) | **Giám đốc** (ký tên, đóng dấu) |

**11. Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- **Thành phần hồ sơ**

+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì ***hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới***.

+ Trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá;
* Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp;
* Báo cáo kết quả tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện và thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: (nếu có thẩm định đối với trường hợp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

- **1.200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **400.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- **600.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- **200.000 đồng**/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 50 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Báo cáo tình hình kinh doanh của thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 70 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấp phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh***.

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 50**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm 20.........* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Sở Công Thương...

1. Tên thương nhân: .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng.........năm.......,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày.......... tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Sở Công Thương cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... ........

7. Đã được Sở Công Thương cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... .......(nếu có).

8. ...(*ghi rõ tên thương nhân*)... kính đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do .... ......................(1)..............

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** (họ và tên, ký tên, đóng dấu) |

*Chú thích*:

(1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

**PHỤ LỤC 70**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../201…/BC-… | *............., ngày...... tháng....... năm 20........* |

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH**

**CỦA THƯƠNG NHÂN BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(6 tháng đầu năm ……... (hoặc 6 tháng cuối năm…..) ; cả năm ……..)*

Kính gửi: Bộ Công Thương

Sở Công Thương.......(nơi thương nhân đạt trụ sở)

Tên thương nhân...

Trụ sở tại.....

Điện thoại......Fax...

Số Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….

Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá được cấp sửa đổi, bổ sung số: ……….do ….cấp ngày …. tháng … năm ….(nếu có)

**I. Tình hình phân phối sản phẩm thuốc lá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**II. Chi tiết tình hình bán hàng tại các tỉnh, thành phố**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mua của các Nhà cung cấp, các thương nhân phân phối** | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | | **Tỉnh....** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**III. Chi tiết tình hình bán hàng tại các địa điểm bán lẻ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa chỉ, điện thoại của các địa điểm bán lẻ sản phẩm thuốc lá** | **Tồn kho trong kỳ** | | **Mua vào trong kỳ** | | **Bán ra trong kỳ** | |
| **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** | **Số lượng**  **(1.000 bao)** | **Trị giá**  **(1.000 VNĐ)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**IV. Kiến nghị, đề xuất...**

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập báo cáo** (ký, ghi rõ họ tên) | **Giám đốc** (ký tên, đóng dấu) |

**12. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**+ Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu;

- Bản sao Giấy, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

- Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau:

\* Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; hoặc

\* Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.

- Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

\* Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất trong nước, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của thương nhân sản xuất, thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn khác;

\* Bản sao Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép phân phối hoặc Giấy phép bán buôn rượu của các nhà cung cấp rượu.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, và thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện**

- Thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bán buôn rượu.

**g) Phí, lệ phí**

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn:**Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu;

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………………..(1)……………………

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai …….(2)…………

Tên thương nhân: ……………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:……………….. Điện thoại:……………. Fax: ……………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………………………………………..

Điện thoại:………………………………….. Fax: ……………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………………. do……………………. cấp ngày……. tháng……. năm……….

Đề nghị …………(2)……… xem xét cấp Giấy phép …………(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: ……………………(3)…………………………………

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………………….(4)……………………….

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: ……………….(5)…………………….

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: ………………………………….

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau: ………………….(5)……………….……

………………………………………………………………………………………

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố: ………………..

…………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ………………….……………………

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau: ………………..(5)………………………

………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ………………………………………

……………(6)…………………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**13. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu;

- Bản sao Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, và thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện**

- Thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bán buôn rượu.

**g) Phí, lệ phí**

Phí thẩm định

*+ Trường hợp cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh*

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

*+ Trường hợp thay đổi tên thương nhân, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý: không thu phí.*

**h) Mẫu đơn:**Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có thay đổi nội dung so với nội dung giấy phép đã được cấp;

- Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu;

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 02**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai …(2)………

Tên thương nhân: ………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:…………….. Điện thoại:……………… Fax: ……………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………………………………….………

Điện thoại: ………………………………..Fax: ………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………do……………… cấp ngày ………………. tháng…… năm……….;

Giấy phép …..(1)…… đã được cấp số......... do…… cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép ……….(1)………. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ........do…….. cấp ngày………. tháng……… năm ………..

………(3)……… đề nghị ……..(2)….....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép…....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: …………………………………………………….…………….

Thông tin mới: ……………….(4) ..……………………………………………..

2. Bổ sung: …………………(4)………………………………………

………(3)……….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**14. Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### **b) Cách thức thực hiện**

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ**

- Trường hợp giấy phép bán buôn rượu đã được cấp hết thời hạn hiệu lực thì ***hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới***.

- Trường hợp giấy phép bán buôn rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

\* Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu;

\* Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép bán buôn rượu đã được cấp.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng các huyện, và thành phố.

**e) Đối tượng thực hiện:**

- Thương nhân theo quy định của Luật Thương mại;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh bán buôn rượu.

**g) Phí, lệ phí:**

Phí thẩm định

*\* Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực*

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

*\* Trường hợp Giấy phép bán buôn rượu bị mất, hỏng: không thu phí.*

**h) Mẫu đơn:**Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:**

- Thương nhân đã được cấp Giấy phép bán buôn rượu;

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh;***

- Giấy phép bán buôn rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 03**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép ……..(1)……….**

***(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai ……(2)………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính:…………………. Điện thoại:…………. Fax: …………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:………… Điện thoại:…………….. Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………… do……… cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép ……..(1)……... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số …………… do………. cấp ngày…… tháng……. năm …………….

…………(3)………… đề nghị ……….(2)……….... xem xét cấp lại Giấy phép …….(1) ………, với lý do cụ thể như sau: …………….(4)..

………(3)…………..xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**IV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG**

**15. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa *(gọi là Trung tâm)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

**b) Cách thức thực hiện**: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (*Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu )*

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

+ *Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc bản sao một trong các giấy chứng nhận sau: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (EFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000)*

+ Bản liệt kê tên hàng hóa sản phẩm rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa sản phẩm rượu mà doanh nghiệp dự kiến sản xuất.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

+ Bản sao bằng cấp, giấy chứng nhận chuyên môn và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của cán bộ kỹ thuật.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 14 ngày làm việckể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**: Sở Công Thương Đồng Nai

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu công nghiệp

**g) Phí, lệ phí**:

- Phí thẩm định điều kiện hoạt động: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ

**h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ. Bản công bố sản phẩm (theo Mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Điều kiện cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Có dây chuyền máy móc, thiết bị, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất

- Đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm theo quy định.

- Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

- Có cán bộ kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

Mẫu số 01- NĐ 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / |  | *……….., ngày ……. tháng ……… năm ………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: .......................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………... Điện thoại: ………………. Fax: ..............

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………………... Điện thoại:.........................

Fax: .............................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)...............................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4)..............................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:..............................................................................................................................

……….(5).....................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:

.....................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .................

.....................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5).................................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: ....................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .................

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5)........................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: ..............................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**Mẫu số 01**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: ………………./Tên doanh nghiệp/Năm công bố

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: .......................................................................................................

Địa chỉ: ..............................................................................................................................

Điện thoại: …………………………………………….. Fax: ................................................

E-mail.................................................................................................................................

Mã số doanh nghiệp:..........................................................................................................

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ……………….. Ngày Cấp/Nơi cấp: ……………. (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: ................................................................................................................

2. Thành phần: ....................................................................................................................

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: ..........................................................................................

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: ...........................................................................

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):..................

.............................................................................................................................................

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……………, ngày…. tháng…. năm........* **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-------------**

**BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số:……………….

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: ........................................................................................................

Địa chỉ: ...............................................................................................................................

Điện thoại: ……………………………………… Fax: ............................................................

E-mail ..................................................................................................................................

Mã số doanh nghiệp: ..........................................................................................................

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: ………………… Ngày cấp/Nơi cấp: .........

.............................................................................................................................................

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: .................................................................................................................

2. Thành phần: .....................................................................................................................

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: ...........................................................................................

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: ............................................................................

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: ........................................................................

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…. tháng…. năm………* **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** *(Ký tên, đóng dấu)* |

## V. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

## 16. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**+ Thành phần hồ sơ**

*1. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG, hồ sơ gồm:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ);

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;

- Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.

*2. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống, hồ sơ gồm:*

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;

- Tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

*+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LPG chỉ có chai LPG hoặc thuê chai LPG đáp ứng các điều kiện sau:*

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG.

*+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí LPG qua đường ống đáp ứng các điều kiện sau:*

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có bồn chứa khí hoặc hợp đồng thuê bồn chứa khí hoặc có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG;

- Có trạm cấp khí đáp ứng đầy đủ các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai.

Tên thương nhân: ...........................................................................................

Tên giao dịch đối ngoại: ................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: .......................................................................................

Điện thoại: ……………………… Fax: ................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: …………..….. do .................... ...................... cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế: .................................................................................................

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu: ... | *...., ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**17. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều thương nhân kinh doanh mua bán LPG đã cấp (nếu có)

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí**:** Không

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện... Sở Công Thương. |

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh: ...............................................

Địa chỉ trụ sở chính: .......................................................................................

Điện thoại: ……………………… Fax: ...............................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số: ……….. do ………………………………… cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế: ....................................................................................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện .......................................................................

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

## 18. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG;

- Bản sao giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí**:** (nếu có thẩm định)

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký.

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện... Sở Công Thương. |

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh: .................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ..................................................................................

Điện thoại: ………………………Fax: ....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:………. do ………………………… cấp ngày...... tháng...... năm …...

Mã số thuế: ...............................................................................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...................................................................

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

## 19. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại **Mục c** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại **Mục h** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ

**+ Thành phần hồ sơ**

- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh;

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy;

- Tài liệu chứng minh có trạm cấp LNG đáp ứng các quy định về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

*+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán LNG đáp ứng các điều kiện sau:*

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;

- Có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật (đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực).

*+ Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí LNG qua đường ống đáp ứng các điều kiện sau:*

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa;

- Tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực;

- Tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan (đã được cấp Giấy chứng nhận còn hiệu lực).

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 03**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN  
THƯƠNG NHÂN KINH DOANH MUA BÁN LPG/LNG/CNG**

Kính gửi: Sở Công Thương Đồng Nai.

Tên thương nhân: ...........................................................................................

Tên giao dịch đối ngoại: ................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: .......................................................................................

Điện thoại: ……………………… Fax: ................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: …………..….. do .................... ...................... cấp ngày.... tháng.... năm …..

Mã số thuế: .................................................................................................

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG/LNG/CNG theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu: ... | *...., ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**20. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG**

### a) Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại Mục c của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại Mục h của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ**

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG;

- Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều thương nhân kinh doanh mua bán LNG đã cấp (nếu có).

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí**:** Không

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo Mẫu 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc hư hỏng.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

## - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện... Sở Công Thương. |

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh: .................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ..................................................................................

Điện thoại: ………………………Fax: ....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:………. do ………………………… cấp ngày...... tháng...... năm …...

Mã số thuế: ...............................................................................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...................................................................

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

## 21. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

### c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

### đ) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

e) Đối tượng thực hiện:

- Thương nhân theo quy định của Luật thương mại.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh khí.

g) Phí, lệ phí**:** (nếu có thẩm định)

Phí thẩm định:

- 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh;

- 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

- 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định : Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn:**Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG theo Mẫu 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoặc văn bản trả lời.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:**

- Thay đổi về đăng ký kinh doanh, thay đổi địa điểm trụ sở chính, thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký;

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 12**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI/ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kính gửi:** | Bộ Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện... Sở Công Thương. |

Tên thương nhân/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh: Địa chỉ trụ sở chính: ..................................................................................

Điện thoại: ………………………Fax: ....................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Hộ kinh doanh số:………. do ………………………… cấp ngày...... tháng...... năm …...

Mã số thuế: ...............................................................................................

Giấy chứng nhận đủ điều kiện ...................................................................

Đề nghị Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Ủy ban nhân dân quận, huyện xem xét cấp lại/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện……………. theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí.

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu:…. | *....,ngày....tháng...năm...* **ĐẠI DIỆN THƯƠNG NHÂN/ CHỦ NHIỆM/HỘ KINH DOANH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**VI. LĨNH VỰC ĐIỆN**

**22. Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang các chuyên gia tư vấn chính theo Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề và hợp đồng lao động đã ký của chuyên gia tư vấn chính có tên trong danh sách với tổ chức tư vấn.

+ Danh mục các dự án có quy mô tương tự mà các chuyên gia tư vấn chính đã thực hiện.

+ Danh mục trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tư vấn.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01*** *(bộ).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **800.000 đồng** cho một hồ sơ cấp phép

**h) Mẫu đơn:**theo Mẫu 01 và Mẫu 3a quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**Mẫu 3a**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG**

**CÁC CHUYÊN GIA TƯ VẤN CHÍNH LĨNH VỰC**

**TƯ VẤN CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN LỰC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Quê quán | Mã số định danh (nếu có) | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Thâm niên công tác trong lĩnh vực tư vấn (năm) | Công trình đã tham gia | Chứng chỉ hành nghề |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**23. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này,)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

\* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

\* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01*** *(bộ).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **400.000 đồng** cho một hồ sơ cấp phép mới.

**h) Mẫu đơn:**theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**24.** **Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 mw đặt tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca nhà máy điện theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, thẻ an toàn điện và giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho đội ngũ trưởng ca theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành; hợp đồng thuê khoán nhà máy điện, hợp đồng thu quản lý vận hành hoặc văn bản giao quản lý vận hành đối với trường hợp thuê khoán, cho thuê hoặc giao quản lý vận hành.

+ Bản sao quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nhà máy điện, dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường dự án đầu tư nhà máy điện của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về môi trường.

+ Danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định theo quy định của pháp luật.

+ Bản sao Văn bản thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy; bản sao Biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

+ Bản sao Quyết định phê duyệt Quy trình vận hành hồ chứa của cơ quan có thẩm quyền (đối với nhà máy thủy điện).

+ Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt tổ máy hoặc hệ thống pin năng lượng mặt trời; bản sao tài liệu xác định thông số chính của nhà máy điện (thông số tua bin, máy phát, máy biến áp chính).

+ Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

+ Bản sao biên bản nghiệm thu đập thủy điện; phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp; báo cáo kết quả kiểm định đập (đối với đập thủy điện đã đến kỳ kiểm định).

+ Trường hợp nhà máy điện, tổ máy phát điện dự phòng không nối lưới và chỉ phát điện để bán điện cho khách hàng khi sự cố mất điện từ lưới điện quốc gia, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép được miễn trừ nội dung: Bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng viễn thông phục vụ vận hành thị trường điện; bản sao biên bản nghiệm thu hoàn thành lắp đặt hệ thống SCADA phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Trường hợp nhà máy điện có hoạt động bán lẻ điện trực tiếp cho khách hàng sử dụng điện, hồ sơ đề nghị có thêm các nội dung sau: Danh sách khách hàng; sơ đồ lưới điện cung cấp điện cho khách hàng.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01*** *(bộ).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **2.100.000** đồng cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:** *theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.*

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**Mẫu 3b**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH**

*(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Quê quán** | **Mã số định danh (nếu có)** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn** | **Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép** | **Ghi chú** |
| **I.** | **Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh** | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Đội ngũ trưởng ca vận hành** (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện) | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**25**. **Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô công suất dưới 3 mw đặt tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

\* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

\* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01*** *(bộ).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**g) Phí, lệ phí:** **1.050.000** đồng cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:** *theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương*.

**i) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**k) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**26. Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kinh doanh theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018; bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp, thẻ an toàn điện của người có tên trong danh sách.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01*** *(bộ).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **700.000** đồng cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:**theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực..

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**Mẫu 3b**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH**

*(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Quê quán** | **Mã số định danh (nếu có)** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn** | **Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép** | **Ghi chú** |
| **I.** | **Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh** | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Đội ngũ trưởng ca vận hành** (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện) | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**27. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kv tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ**:

\* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

\* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01 (bộ).***

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép.

**g) Phí, lệ phí:** **350.000** đồng cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:** *theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.*

**i) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**28. Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

+ Danh sách trích ngang người trực tiếp quản lý kỹ thuật, đội ngũ trưởng ca vận hành theo Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương; bản sao bằng tốt nghiệp, thẻ an toàn điện, giấy chứng nhận vận hành được cấp điều độ có quyền điều khiển cấp cho người có tên trong danh sách theo Quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia do Bộ Công Thương ban hành.

+ Danh mục các hạng mục công trình lưới điện chính và phạm vi lưới điện do tổ chức đang quản lý. Trường hợp mua bán, sáp nhập, bàn giao không hoàn vốn tài sản lưới điện phải có Biên bản nghiệm thu theo quy định hoặc Biên bản bàn giao tài sản.

+ Bản sao tài liệu về đảm bảo điều kiện phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Bản sao Thoả thuận đấu nối vào hệ thống điện quốc gia; Bản đồ ranh giới lưới điện và phạm vi hoạt động.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01 (bộ).***

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **800.000 đồng** cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:** *theo Mẫu 01 và Mẫu 3b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.*

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**Mẫu 3b**

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG CÁN BỘ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH**

*(Cho lĩnh vực hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Quê quán** | **Mã số định danh (nếu có)** | **Chức vụ** | **Trình độ chuyên môn** | **Số năm công tác trong lĩnh vực đề nghị cấp phép** | **Ghi chú** |
| **I.** | **Người trực tiếp quản lý kỹ thuật, trực tiếp quản lý kinh doanh** | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Đội ngũ trưởng ca vận hành** (đối với hoạt động phát điện, phân phối, truyền tải điện) | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |

**29. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kv tại địa phương**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định *(tại* ***Mục c*** *của Thủ tục này)*; điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính *(tại* ***Mục h*** *của Thủ tục này, nếu có)*.

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh *(gọi là Trung tâm)* tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai: Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể *(01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn)* để khách hàng biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Công Thương *(thông qua nhân viên bưu điện)*.

- Bước 3: Sở Công thương tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm *(việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện)*.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp nhân viên bưu điện trả kết quả trực tiếp cho khách hàng, Trung tâm có trách nhiệm thu lại các khoản phí, lệ phí từ cơ quan bưu điện.

**b) Cách thức thực hiện**:

Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang web tại địa chỉ: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/> để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

\* Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ trụ sở của đơn vị được cấp giấy phép, hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

\* Trường hợp tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhận chuyển giao tài sản từ đơn vị đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực của đơn vị nhận chuyển giao bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận thành lập của tổ chức đề nghị cấp giấy phép;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển giao tài sản, tài liệu về đội ngũ trực tiếp quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành.

- **Số lượng hồ sơ**: ***01 (bộ****).*

**d) Thời hạn giải quyết:** **13 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức.

**g) Phí, lệ phí:** **400.000** đồng cho một hồ sơ cấp phép.

**h) Mẫu đơn:** *theo Mẫu 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương.*

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Luật Điện lực ngày 03/12/2004.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực.

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực.

- Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.

**Mẫu 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …/… | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép hoạt động điện lực**

Kính gửi: 1…………………………………………………………

Tên tổ chức đề nghị: ..............................................................................................

Cơ quan cấp trên trực tiếp *(nếu có)*: ......................................................................

Có trụ sở chính tại: …………Điện thoại: …………..Fax: ………; Email: .........

Thành lập theo Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập số: …........……. ngày ... tháng ... năm ...

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do ... cấp, mã số doanh nghiệp , đăng ký lần ... ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép hoạt động điện lực số: …… do ……….. cấp ngày ………... *(nếu có)*.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ...........................................................................

Đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực, phạm vi, thời hạn hoạt động sau đây:

- ...............................................................................................................................

Các giấy tờ kèm theo:

- ...............................................................................................................................

Đề nghị 2... cấp giấy phép hoạt động điện lực cho ... *(tên tổ chức đề nghị)*.

…*(Tên tổ chức)* xin cam đoan hoạt động đúng lĩnh vực và phạm vi được cấp phép, đồng thời tuân thủ các quy định trong giấy phép hoạt động điện lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **LÃNH ĐẠO** *(Ký tên, đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1 Gửi cơ quan tiếp nhận và giải quyết các thủ tục thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

2 Gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép: Sở Công Thương, Cục Điều tiết điện lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương.

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

**1. Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

+ Bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày** làm việc

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**

Phí thẩm định

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 23 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 23**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng (1) ......................(2)

1. Tên thương nhân:......................................................................................

2. Địa chỉ trụ sở chính: ................................................................................;

3. Điện thoại:........................................................... Fax:.............................;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có)

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

Đề nghị Phòng Công Thương (1)......................(2) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.................................................................(3)……..

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

............................................................................................(4)……..

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

***Chú thích:***

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2) Ghi rõ tên quận, huyện nơi thương nhân dự kiến xin phép để kinh doanh.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại của các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

**2. Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

+ Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày** làm việc

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: (nếu có thẩm định)

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 46 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

- Trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì bổ sung bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

- Trường hợp thay đổi địa điểm kinh doanh thì: Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại thuốc lá năm 2012;

- Trường hợp thay đổi doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá thì phải có bản sao các văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 46**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     /... | *............., ngày...... tháng....... năm............* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng....(1)

1. Tên thương nhân : .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh…) số............ do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng......... năm......., đăng ký thay đổi lần thứ ..... ngày ..........tháng......... năm.......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm......

7. Đã được Phòng Công Thương...(1) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.......) số ....... ngày ..... tháng .....năm .....(nếu đã có)

.......(2)....

...*(ghi rõ tên thương nhân)...(3)*kính đề nghị Phòng Công Thương xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (*tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):*

8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...), chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:..................

Thông tin mới:.............

9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.......................................................................(4)

- Để tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

...........................................................................(5)

10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:...................

Thông tin mới:..........................................(5)

b) Đề nghị bổ sung:

..............................................................(6)

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

***Chú thích:***

(1) Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(3): Tên Thương nhân.

(4): Ghi rõ tên, địa chỉ thương nhân phân phối, thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá.

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(6) Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

**3. Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**- Thành phần hồ sơ**

+ Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp ***hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới***.

+ Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;
* Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 6 ngày** làm việc

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: (nếu có thẩm định đối với trường hợp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực)

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá theo mẫu tại Phụ lục 52 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh***.

- Là tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá nhưng bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật phòng, chống tác hại thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;

- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;

- Thông tư 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**PHỤ LỤC 52**

*(Kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /... | *............., ngày...... tháng....... năm 20.........* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI**

**GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ**

*(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,*

*bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng ………. (1)

1. Tên thương nhân: .......................:

2. Địa chỉ trụ sở chính: ......................;

3. Điện thoại:......................... Fax:...............;

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh...) số ........... do............................. cấp đăng ký lần đầu ngày........ tháng.........năm.......,đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày .......... tháng......... năm......;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện:

- Tên: ...................................;

- Địa chỉ: ...........................;

- Điện thoại:......................... Fax:...............;

6. Đã được Phòng Công Thương (1)........... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... ........

7. Đã được Phòng Công Thương (1).......cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số..........ngày..... tháng.....năm.....cho.... .......(nếu có).

8....(*ghi rõ tên thương nhân*)...kính đề nghị Phòng Công Thương (1).......

xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do .... .........(2)...........

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP; Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Doanh nghiệp xin cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật của thương nhân** *(họ và tên, ký tên, đóng dấu)* |

***Chú thích***:

(1): Phòng Công Thương hoặc đơn vị được cấp thẩm quyền giao (ví dụ: Phòng Kinh tế,…)

(2): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

**4. Cấp giấy phép bán lẻ rượu**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

+ Bản sao hợp đồng thuê/ mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ;

+ Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

**- Số lượng**: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 7 ngày làm việc

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………………..(1)……………………

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng …….(2)…………

Tên thương nhân: ……………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:……………….. Điện thoại:……………. Fax: ……………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………………………………………..

Điện thoại:………………………………….. Fax: ……………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………………. do……………………. cấp ngày……. tháng……. năm……….

Đề nghị …………(2)……… xem xét cấp Giấy phép …………(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

**Được phép sản xuất rượu như sau:**

Sản xuất các loại rượu: ……………………(3)…………………………………

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………………….(4)……………………….

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: ……………….(5)…………………….

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau:………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu, tại các địa điểm sau: ………………………………….

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau: ………………….(5)……………….……

………………………………………………………………………………………

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố: ………………..

…………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ………………….……………………

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau: ………………..(5)………………………

………………………………………………………………………………………

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm: ………………………………………

……………(6)…………………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**+ Thành phần hồ sơ**

- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu;

- Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp;

- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết:** 6 ngày làm việc.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**:

Phí thẩm định

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh đã được cấp Giấy phép bán lẻ rượu;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 02**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *….., ngày ….. tháng ….. năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép ... (1)...**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng …(2)………

Tên thương nhân: ………………………………………………………….

Địa chỉ trụ sở chính:…………….. Điện thoại:……………… Fax: ……………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ………………………………………….………

Điện thoại: ………………………………..Fax: ………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………………do……………… cấp ngày ………………. tháng…… năm……….;

Giấy phép …..(1)…… đã được cấp số......... do…… cấp ngày ... tháng ... năm ...

Giấy phép ……….(1)………. đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ........do…….. cấp ngày………. tháng……… năm ………..

………(3)……… đề nghị ……..(2)….....xem xét cấp sửa đổi (hoặc bổ sung) Giấy phép…....(1)……, với lý do cụ thể như sau:

1. Sửa đổi:

Thông tin cũ: …………………………………………………….…………….

Thông tin mới: ……………….(4) ..……………………………………………..

2. Bổ sung: …………………(4)………………………………………

………(3)……….. xin cam đoan lý do trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Nội dung sửa đổi, bổ sung.

**6. Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

**- Thành phần hồ sơ**

+ Trường hợp Giấy phép đã được cấp ***hết thời hạn hiệu lực thì hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới***.

+ Trường hợp Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thì hồ sơ gồm:

* Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu;
* Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép bán lẻ rượu đã được cấp.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn.

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**

Phí thẩm định

**- 1.200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 400.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

**- 600.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với doanh nghiệp trên địa bàn các huyện.

**- 200.000** đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định: Đối với hộ kinh doanh trên địa bàn các huyện.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Thương nhân đã được cấp Giấy phép bán lẻ rượu;

- Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân ***phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh;***

- Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vục thương mại; lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hoá./.

**Mẫu số 03**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại giấy phép ……..(1)……….**

***(Trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng ……(2)………

Tên thương nhân: ………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính:…………………. Điện thoại:…………. Fax: …………

Địa điểm sản xuất/kinh doanh:………… Điện thoại:…………….. Fax: ……

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số………… do……… cấp ngày... tháng... năm...;

Giấy phép ……..(1)……... đã được cấp số.... do ... cấp ngày ... tháng... năm ...

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số …………… do………. cấp ngày…… tháng……. năm …………….

…………(3)………… đề nghị ……….(2)……….... xem xét cấp lại Giấy phép …….(1) ………, với lý do cụ thể như sau: …………….(4)..

………(3)…………..xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**7. Đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

+ Bản sao hợp đồng thuê/ mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

+ Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu hoặc thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu hoặc thương nhân bán lẻ rượu;

+ Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì cung cấp bản sao Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh còn hiệu lực.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu; Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;

- Bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 13**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*….., ngày …. tháng …. năm …..*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Bán rượu tiêu dùng tại chỗ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng…………..

Tên thương nhân: ………………………………………………….………..

Địa chỉ:…………………….. Điện thoại: ………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số……….... do……….. cấp ngày........ tháng …….. năm………….

Đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Địa chỉ bán rượu: (1)………………………………………………………

…………(2)………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(2): Tên thương nhân đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

**8. Đăng ký sửa đổi, bổ sung bán rượu tiêu dùng tại chỗ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu; Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;

- Bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 13**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*….., ngày …. tháng …. năm …..*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Bán rượu tiêu dùng tại chỗ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng…………..

Tên thương nhân: ………………………………………………….………..

Địa chỉ:…………………….. Điện thoại: ………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số……….... do……….. cấp ngày........ tháng …….. năm………….

Đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:

Địa chỉ bán rượu: (1)………………………………………………………

…………(2)………….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(2): Tên thương nhân đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

**9. Đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

+ Bản sao hợp đồng thuê/ mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu tiêu dùng tại chỗ;

+ Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu hoặc thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu hoặc thương nhân bán lẻ rượu.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu;

- Bán rượu trực tiếp cho người mua để tiêu dùng tại các địa điểm kinh doanh của thương nhân;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 14**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày …. tháng …. năm …….*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng………

Tên thương nhân: ………………………………………………………..…..

Địa chỉ:……………………………. Điện thoại: ………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…….....do……… cấp ngày……...tháng…….... năm ………….

*(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một hoặc các đề nghị dưới đây):*

**Đăng ký sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ……………………(1)………………………………………..….

- Quy mô sản xuất: …………………(2)……………………………………….

**Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ………..(1)……………………………………………..………..

- Xuất xứ: ………………(3): …………………………………………………..

**Đăng ký bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: …………………(1)……………………………………………..

- Địa chỉ bán rượu:……..(4)……………………………………………………

……….(5)……….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng....năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Ghi loại rượu đăng ký sản xuất/nhập khẩu/bán.

(2): Ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(3): Thương nhân sản xuất, xuất khẩu.

(4): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(5): Tên thương nhân.

**10. Đăng ký sửa đổi, bổ sung kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ..

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có thay đổi các nội dung so với đăng ký trước đây;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 14**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*……, ngày …. tháng …. năm …….*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng………

Tên thương nhân: ………………………………………………………..…..

Địa chỉ:……………………………. Điện thoại: ………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…….....do……… cấp ngày……...tháng…….... năm ………….

*(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một hoặc các đề nghị dưới đây):*

**Đăng ký sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ……………………(1)………………………………………..….

- Quy mô sản xuất: …………………(2)……………………………………….

**Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ………..(1)……………………………………………..………..

- Xuất xứ: ………………(3): …………………………………………………..

**Đăng ký bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: …………………(1)……………………………………………..

- Địa chỉ bán rượu:……..(4)……………………………………………………

……….(5)……….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng....năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Ghi loại rượu đăng ký sản xuất/nhập khẩu/bán.

(2): Ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(3): Thương nhân sản xuất, xuất khẩu.

(4): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(5): Tên thương nhân.

**11. Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

+ Bản sao hợp đồng thuê/ mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán rượu nhập khẩu có độ cồn dưới 5,5 độ;

+ Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu hoặc thương nhân phân phối rượu.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;

- Rượu được nhập khẩu, mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp; Rượu được nhập vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 14**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*………, ngày …. tháng …. năm …….*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng………

Tên thương nhân: ………………………………………………………..…..

Địa chỉ:……………………………. Điện thoại: …………………………………

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…….....do……… cấp ngày……...tháng…….... năm ………….

*(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một hoặc các đề nghị dưới đây):*

**Đăng ký sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ……………………(1)…………………………………………..….

- Quy mô sản xuất: …………………(2)………………………………………….

**Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ………..(1)……………………………………………..………..

- Xuất xứ: ………………(3): ……………………………………..…………..

**Đăng ký bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: …………………(1)………………………………………………..

- Địa chỉ bán rượu:……..(4)……………………………………………………

……….(5)……….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng....năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Ghi loại rượu đăng ký sản xuất/nhập khẩu/bán.

(2): Ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(3): Thương nhân sản xuất, xuất khẩu.

(4): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(5): Tên thương nhân.

**12. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

**a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng.

### b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ tại *Bộ phận Một cửa* hoặc gửi qua dịch vụ bưu điện hoặc truy cập trang website của UBND cấp huyện ***(nếu có)*** để được hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến qua mạng.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ;

+ Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết: 3** ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký hợp lệ.

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): không

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức

**g) Phí, lệ phí**: Không.

**h) Mẫu đơn, tờ khai**: Đơn đăng ký sửa đổi, bổ sung nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Đóng dấu tiếp nhận hoặc Mã biên nhận hồ sơ hoặc Văn bản không xác nhận đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Có thay đổi các nội dung so với đăng ký trước đây.

- Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;

- Rượu được nhập khẩu, mua, bán rượu có nguồn gốc hợp pháp; Rượu được nhập vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật Thương mại ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương./.

**Mẫu số 14**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*………, ngày …. tháng …. năm …….*

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ**

Kính gửi: Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng………

Tên thương nhân: ……………………………………………………………..…..

Địa chỉ:…………………………. Điện thoại: …………………………………..

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số…….....do……… cấp ngày……...tháng…….... năm ………….

*(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một hoặc các đề nghị dưới đây):*

**Đăng ký sản xuất rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ……………………(1)………………………………………..….

- Quy mô sản xuất: …………………(2)………………………………………….

**Đăng ký nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: ………..(1)…………………………………………………..………..

- Xuất xứ: ………………(3): ……………………………………………………..

**Đăng ký bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ như sau:**

- Loại rượu: …………………(1)…………………………………………………..

- Địa chỉ bán rượu:……..(4)…………………………………………………………

……….(5)……….. xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu, Nghị định số ..../2020/NĐ-CP ngày...tháng....năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu(nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Ghi loại rượu đăng ký sản xuất/nhập khẩu/bán.

(2): Ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(3): Thương nhân sản xuất, xuất khẩu.

(4): Địa chỉ bán rượu của thương nhân.

(5): Tên thương nhân.

**II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG**

**13. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng

***Thời gian nhận và trả hồ sơ:***

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

**b) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng Hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ:**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ *Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm*

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết : 10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**g) Phí, lệ phí**:

- Phí thẩm định: **1.100.000** đồng/lần/cơ sở

**h) Mẫu đơn, tờ** **khai:**

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Điều kiện cấp giấy phép**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

*Mẫu số 01-NĐ 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm ………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

**Kính gửi**: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ....................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………... Điện thoại: ………………. Fax: ..........

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………... Điện thoại:.........................

Fax: .........................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4)..........................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.......................

……….(5)...............................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: ......................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5).............................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .............

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5)....................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: .........................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

**14. Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng Kinh tế/Kinh tế-Hạ tầng

Thời gian nhận và trả hồ sơ:

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

**b) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện

**c) Thành phần, số lượng Hồ sơ:**

- **Thành phần hồ sơ:**

*Trường hợp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng:*

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (nếu có).

*Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:*

- Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.

+ *Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm*

+ Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết :**

Trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng: **07 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: **10 ngày làm việc**

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND xã, phường, thị trấn (địa bàn kinh doanh).

**e) Đối tượng thực hiện:** Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

**g) Phí, lệ phí**:

- Phí thẩm định: **1.100.000** đồng/lần/cơ sở (nếu có thẩm định hoặc đối với trường hợp cấp lại do hết hiệu lực)

**h) Mẫu đơn, tờ** **khai:**

Trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng: mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy phép

**k) Điều kiện cấp giấy phép**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật

- Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm và ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

***Mẫu đơn trường hợp cấp lại do hết hiệu lực***

*Mẫu số 01-NĐ 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm ………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

…………….(1)……………..

Kính gửi: ………………..(2)………………………………………….

Tên thương nhân: ....................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: …………………... Điện thoại: ………………. Fax: ..........

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………………... Điện thoại:.........................

Fax: .........................................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ………. do…………..……… cấp ngày…….. tháng ……. năm …………

Đề nghị......(2)..... xem xét cấp Giấy phép……..(1)………., cụ thể là:

(Tùy thuộc vào từng loại hình kinh doanh rượu, thương nhân thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

Được phép sản xuất rượu như sau:

Sản xuất các loại rượu: ………………(3)................................................................

Quy mô sản xuất sản phẩm rượu: ………..(4)..........................................................

**Được phép tổ chức phân phối rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau:.......................

……….(5)...............................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống phân phối rượu tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: ......................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:

.................................................................................................................................

**Được phép tổ chức bán buôn rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …………(3)…….. của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

………….(5).............................................................................................................

Được phép tổ chức hệ thống bán buôn rượu tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau: .................................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau: .............

**Được phép tổ chức bán lẻ rượu như sau:**

Được phép mua các loại rượu: …….(3)….... của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu sau:

……..(5)....................................................................................................................

Được phép bán lẻ rượu tại các địa điểm sau: .........................................................

**Được phép tổ chức bán rượu tiêu dùng tại chỗ như sau:**

Được phép mua các loại rượu: ……….(3)………… của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, thương nhân bán buôn rượu, thương nhân bán lẻ rượu sau: …….(5).......................................................

Được phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ tại các địa điểm sau:…….(6) ... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số ……./2017/NĐ-CP ngày.... tháng .... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Ghi cụ thể từng loại sản phẩm rượu như: Rượu vang, rượu vodka, rượu trái cây...

(4): Ghi công suất thiết kế; đối với sản xuất rượu thủ công thì ghi sản lượng dự kiến sản xuất (lít/năm).

(5): Ghi rõ tên, địa chỉ.

(6): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

***Mẫu đơn trường hợp Giấy phép giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, hoặc bị hỏng***

*Mẫu số 03 - NĐ 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN THƯƠNG NHÂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:     / | *……….., ngày ……. tháng ……… năm ………* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP ……(1)…….  
*(trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)***

Kính gửi:………….(2)……………………………………………..

Tên thương nhân: ....................................................................................................

Địa chỉ trụ sở chính: ………………Điện thoại: ……………… Fax:....................

Địa điểm sản xuất/kinh doanh: ……………Điện thoại: …..…………… Fax: .........

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số ……… do ...........cấp ngày ……. tháng……… năm …………

Giấy phép......(1)……. đã được cấp số…….. do …… cấp ngày …… tháng ……. năm ……

Giấy phép...(1)....đã được cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại (nếu có) số ……. do ……. cấp ngày…… tháng …… năm …………

……….(3)…… đề nghị ………..(2).... xem xét cấp lại Giấy phép……...(1)……, với lý do cụ thể như sau:……..(4)

…….(3)….. xin cam đoan lý do trình bày trên hoàn toàn xác thực và thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số………   /2017/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và những quy định của pháp luật có liên quan. Nếu sai, xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người đại diện theo pháp luật** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))* |

***Chú thích:***

(1): Loại giấy phép: Sản xuất rượu công nghiệp/sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh/phân phối rượu/bán buôn rượu/bán lẻ rượu/bán rượu tiêu dùng tại chỗ.

(2): Cơ quan cấp phép: Bộ Công Thương/Sở Công Thương/Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

(3): Tên thương nhân xin cấp giấy phép.

(4): Lý do xin cấp lại.

**III. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM**

**15. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục g*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của phòng UBND cấp huyện.

***Thời gian nhận và trả hồ sơ:***

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

**b) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- **Thành phần hồ sơ, bao gồm**:

+ *Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

*+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.*

- **Số lượng hồ sơ**: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**: **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Cơ quan phối hợp: các đơn vị có liên quan

**e) Đối tượng thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trừ các trường hợp sau:

-Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế thấp hơn các cơ sở quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2014/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Điều 12 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018.

**g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

**h) Phí, lệ phí**: 1.000.000 lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh), 2.500.000 lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu điều kiện**: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Mẫu số 01a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*Địa danh, ngày….tháng….năm 20….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

**Kính gửi:** *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*……………………

Cơ sở sản xuất, kinh doanh *(tên giao dịch hợp pháp)*:........................................................

Địa điểm tại: .........................................................................................................................

Điện thoại: …………………………………….Fax: ................................................................

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh *(tên sản phẩm)*: .............................................................

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

|  |  |
| --- | --- |
| - Cơ sở sản xuất | □ |
| - Cơ sở kinh doanh | □ |
| - Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh | □ |
| - Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm | □ |

*(tên cơ sở) ............................................................................................................................*

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hồ sơ gửi kèm gồm:***- - - -* | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....................................................................................................

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): ..........................................................................................

- Điện thoại: ……………………………………Fax ...............................................................

- Mặt hàng sản xuất: ............................................................................................................

- Công suất thiết kế: ............................................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .......................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .................................

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng sản xuất ……………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: ........................................................................................

- Kết cấu nhà xưởng: ...........................................................................................................

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .........................................................................

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: ............................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị**  *(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)* | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang thiết bị, dụng cụ hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng |  |  |  |  |  |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 7 | Thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay |  |  |  |  |  |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu |  |  |  |  |  |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...* **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .................................................................................................

- Điện thoại: ………………………………………..Fax ..........................................................

- Loại thực phẩm kinh doanh: ..............................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ...................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ...................................

- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm *(đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm)*: .........

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng kinh doanh …………m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: ....................................................................................

- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....................................................................

- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: ................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị** | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 6 | Trang bị bảo hộ |  |  |  |  |  |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang, thiết bị dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

**16. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm**

**a) Trình tự thực hiện**:

- Bước 1: Người yêu cầu giải quyết thủ tục chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định (tại ***Mục c*** của Thủ tục này); điền đầy đủ các biểu mẫu, tờ khai hành chính (tại ***Mục h*** của Thủ tục này).

- Bước 2: Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện *(gọi là Bộ phận Một cửa)*; Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng.

- Bước 3: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký duyệt.

- Bước 4: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm chuyển hồ sơ ra *Bộ phận Một cửa, Bộ phận một cửa* giao trả kết quả trực tiếp *(hoặc qua hệ thống bưu điện)* cho khách hàng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép sẽ nhận văn bản trả lời của UBND cấp huyện

***Thời gian nhận và trả hồ sơ:***

Sáng từ 7h đến 11h 30

Chiều từ 13h đến 16h 30

**b) Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện hoặc gửi qua đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**:

- **Thành phần hồ sơ, bao gồm**:

*Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

*Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực:*

*+* *Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe/Danh sách tổng hợp xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ *Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở*.

*Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở).

*Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:*

+ Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (bản sao có xác nhận của cơ sở);

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở (bản sao có xác nhận của cơ sở).

- **Số lượng hồ sơ**: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết**:

- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

**đ) Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng

- Cơ quan phối hợp: các đơn vị có liên quan.

**e) Đối tượng thực hiện:**

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm là chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

**g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01b tại Phụ lục ban hành kèm theo số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương;

**h) Phí, lệ phí**: 1.000.000 lần/cơ sở-đối với cơ sở kinh doanh, 2.500.000 lần/ cơ sở-đối với cơ sở sản xuất (đối với Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)

**i) Kết quả của việc thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận.

**k) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC**: Cơ sở đáp ứng điều kiện an toàn thực phẩm được quy định tại Điều 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Điều 17, 18 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ

**l.) Căn cứ pháp lý của TTHC**:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm

- Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- *Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương*

- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;

- Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm

- Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công và phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Mẫu số 01b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

*Địa danh, ngày….tháng….năm 20….*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: *(tên cơ quan có thẩm quyền cấp)*………………………….

Tên cơ sở ………………………………………đề nghị Quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số………………….ngày cấp .........................................

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận *(ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này)*:

.............................................................................................................................................

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ SẢN XUẤT THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....................................................................................................

- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): ..........................................................................................

- Điện thoại: ……………………………………Fax ...............................................................

- Mặt hàng sản xuất: ............................................................................................................

- Công suất thiết kế: ............................................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .......................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/ tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:....

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .................................

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng sản xuất ……………..m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: ........................................................................................

- Kết cấu nhà xưởng: ...........................................................................................................

- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .........................................................................

- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: ............................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị**  *(ghi theo thứ tự quy trình công nghệ)* | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang thiết bị, dụng cụ hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ bao gói sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị bảo quản thực phẩm |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị khử trùng, thanh trùng |  |  |  |  |  |
| 6 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 7 | Thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| 8 | Phương tiện rửa và khử trùng tay |  |  |  |  |  |
| 9 | Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu |  |  |  |  |  |
| 10 | Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 11 | Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Địa danh, ngày ... tháng ... năm 20...* **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 02b**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

**BẢN THUYẾT MINH**

**CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ KINH DOANH THỰC PHẨM**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .................................................................................................................

- Địa chỉ văn phòng: ...........................................................................................................

- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .................................................................................................

- Điện thoại: ………………………………………..Fax ..........................................................

- Loại thực phẩm kinh doanh: ..............................................................................................

- Tổng số công nhân viên: ...................................................................................................

- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: ...................................................................

- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm:

- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: ...................................

- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm *(đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm)*: .........

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

***1. Cơ sở vật chất***

- Diện tích mặt bằng kinh doanh …………m2

- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: ....................................................................................

- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....................................................................

- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: ................................................................................

***2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên trang, thiết bị** | **Số lượng** | **Thực trạng hoạt động của trang thiết bị** | | | **Ghi chú** |
| Tốt | Trung bình | Kém |  |
| **I** | **Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có** | | | | | |
| 1 | Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 2 | Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 3 | Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| 4 | Dụng cụ rửa và sát trùng tay |  |  |  |  |  |
| 5 | Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ |  |  |  |  |  |
| 6 | Trang bị bảo hộ |  |  |  |  |  |
| 7 | Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại |  |  |  |  |  |
| 8 | Dụng cụ, thiết bị giám sát |  |  |  |  |  |
| **II** | **Trang, thiết bị dự kiến bổ sung** | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

**Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.

2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.